**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**

**MÔN: CÔNG NGHỆ 6. Thời gian làm bài…45. phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** | | % tổng  Điểm |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | **Số CH**  TN TL | |
| Số CH | Số CH | Số CH | Số CH |
| 1.1. Khái quát nhà ở |  |  |  |  |  | |  |
| 1.2. Xây dựng nhà ở | 1 |  |  |  | 1 |  | 5 |
| 13. Ngôi nhà thông minh |  | 1 |  |  |  | 1 | 30 |
| 2 | **Bảo quản và chế biến thực phẩm** | 2.1 Thực phẩm và dinh dưỡng. | 5 |  |  | 1 | 5 | 1 | 35 |
| 2.2 Phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm | 2 |  |  |  | 2 |  | 10 |
| 2.3. Dự án bữa ăn kết nỗi yêu thương |  |  | 1 |  |  | 1 | 20 |
| **Tổng** | | | 8 | 1 | 1 | 1 | 8 | 3 |  |
| **Tỉ lệ %** | | | **40** | **30** | **20** | **10** |  | | 100 |
| **Tỉ lệ chung %** | | | **70** | | **30** | |  | | 100 |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1**

**MÔN : CÔNG NGHỆ - THỜI GIAN LÀM BÀI : 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **I.Nhà ở** | **1.1. Khái quát nhà ở** | **Nhận biết:**  -Nêu được vai trò của nhà ở |  |  |  |  |
| -Nêu được đặc điểm chung của nhà ở Việt Nam |  |  |  |  |
| -Kể tên 1 số kiến trức nhà ở Việt Nam |  |  |  |  |
| **Thông hiểu:**  -phân biệt 1 số kiến trúc nhà ở đặc trưng ở Việt Nam |  |  |  |  |
| **Vận dụng:**  -Xác định kiến trúc ngôi nhà em đang ở |  |  |  |  |
| **1.2.Xây dựng nhà ở** | **Nhận biết:**  -Kể tên 1 số vật liệu xây dựng nhà ở |  |  |  |  |
| -Kể tên các bước xây dựng 1 ngôi nhà | 1 |  |  |  |
| **Thông hiểu:**  -Sắp xếp đúng trình tự các bước xây dựng ngôi nhà. |  |  |  |  |
| **1.3.Ngôi nhà thông minh** | **Nhận biết:**  -Nêu được đặc điểm của ngôi nhà thông minh  -Trình bày được 1 số biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả. |  |  |  |  |
| **-Thông hiểu:**  Mô tả đặc điểm của ngôi nhà thông minh |  | 1 |  |  |
| -Nhận diện đặc điểm của ngôi nhà thông minh  -Giải thích được vì sao cần sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả |  |  |  |  |
| Vận dụng:  -Đề xuất được những việc cụ thể để xây dựng thói quen sử dụng năng lượng gia đình tiết kiệm, hiệu quả. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao:**  -Thực hiện được 1 số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả. |  |  |  |  |
| 2 | **II. Bảo quản và chế biến thực phẩm** | **2.1. Thực phẩm và dinh dưỡng** | **Nhận biết:**  -Nêu được 1 số nhóm thực phẩm chính | 3 |  |  |  |
| -Nêu được giá trị dinh dưỡng nhóm thực phẩm chính. | 2 |  |  |  |
| **Thông hiểu:**  -Phân loại được thực phẩm theo nhóm thực phẩm chính. |  |  |  |  |
| -Giải thích ý nghĩa của nhóm thực phẩm chính đối với sức khỏe con người. |  |  |  |  |
| **Vận dụng:**  -Đề xuất được 1 số loại thực phẩm cần thiết có trong bữa ăn gia đình |  |  |  |  |
| -Thực hiện được 1 số việc làm để hình thành thói quen ăn uống khoa học |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao:**  Đề xuất được một bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng cho gia đình và phân tích được thành phần dinh dưỡng của bữa ăn đó. |  |  |  | 1 |
| **2.2. Phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm** | **Nhận biết:**  -Trình bày được 1 số vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm. | 1 |  |  |  |
| -Nêu được 1 số phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm phổ biến.  -Nêu được các bước chính để chế biến món ăn đơn giản theo phương pháp không sử dụng nhiệt  -Nêu được 1 số biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trong chế biến. | 1 |  |  |  |
| **Thông hiểu:**  -Mô tả được 1 số phương pháp bảo quản thực phẩm. |  |  |  |  |
| -Trình bày được ưu, nhược điểm của một số phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm phổ biến.  -Trình bày được yêu cầu kĩ thuật đối với món ăn không sử dụng nhiệt |  |  |  |  |
| - Chế biến được món ăn đơn giản không sử dụng nhiệt đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. |  |  |  |  |
| **2.3. Dự án: Bữa ăn kết nối yêu thương** | **Nhận biết:**  -Trình bày được cách tính toán sơ bộ dinh dưỡng cho 1 bữa ăn gia đình  -Trình bày được cách tính toán sơ bộ về chi phí cho bữa ăn gia đình |  |  |  |  |
| **Thông hiểu:**  -Thiết kế được thực đơn một bữa ăn hợp lí cho gia đình |  |  |  |  |
| **Vận dụng:**  -Tính toán được sơ bộ dinh dưỡng cho 1 bữa ăn trong gia đình. |  |  | 1 |  |
| Tính toán được sơ bộ tài chính chi phí cho 1 bữa ăn trong gia đình. |  |  |  |  |
|  |  |  |  | 8 | 1 | 1 | 1 |

**MINH HỌA ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I MÔN CÔNG NGHỆ 6**

**A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm).** *Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.*

**Câu 1. Thứ tự các bước chính xây dựng nhà ở là:**

A. Thi công thô, Thiết kế, Hoàn thiện. B. Thiết kế, Thi công thô, Hoàn thiện.

C. Thiết kế, Hoàn thiện, Thi công thô. D. Thi công thô, Hoàn thiện, Thiết kế

**Câu 2. Nhóm thực phẩm nào cung cấp năng lượng chủ yếu cho mọi hoạt động của cơ thể?**

A. Nhóm thực phẩm giàu chất tinh bột, chất đường.

B. Nhóm thực phẩm giàu chất đạm.

C. Nhóm thực phẩm giàu chất béo.

D. Nhóm thực phẩm giàu vitamin.

**Câu 3. Mỡ động vật, dầu thực vật, bơ là nhóm thực phẩm giàu chất**

A. tinh bột, đường và xơ. B. đạm

C. béo D. khoáng

**Câu 4. Thịt, trứng, sữa là nhóm thực phẩm giàu chất**

A. tinh bột, đường và xơ B. đạm

C. béo D. khoáng

**Câu 5:** Ý nào dưới đây **không phải** là vai trò, ý nghĩa của bảo quản thực phẩm?

A. Làm chậm quá trình hư hỏng của thực phẩm

B. Đảm bảo chất lượng của thực phẩm

C. Kéo dài thời gian sử dụng của thực phẩm

D. Làm tăng chất dinh dưỡng của thực phẩm

**Câu 6:** Nhóm thực phẩm giàu chất đạm ?

A.Tôm, cá, trứng, sữa.

B. Bơ, mỡ động vật, dầu thực vật

C. Rau bí, rau mùi, rau dấp cá.

D. Ngô, khoai, sắn.

**Câu 7. *Chuyển hóa một số vitamin cần thiết cho cơ thể*** là chức năng của chất dinh dưỡng nào?

A. Chất đạm.

B. Chất béo.

C. Chất khoáng.

D.Chất đường bột.

**Câu 8: Đâu là phương pháp bảo quản thực phẩm?**

**A.** Làm lạnh và đông lạnh. C. Kho.

B. Rán. D. Nướng.

**B. TỰ LUẬN (6 điểm).**

**Câu 1.** *(3,0điểm)*Em hãy mô tả đặc điểm của ngôi nhà thông minh.

**Câu 2:** *(2,0điểm)* Tính tổng nhu cầu dinh dưỡng của các thành viên trong gia đình cho một bữa ăn (giả định bằng 1/3 nhu cầu dinh dưỡng cả ngày). Biết:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành viên** | **Giới tính** | **Độ tuổi** | **Nhu cầu dinh dưỡng/1 ngày (kcal)** |
| Bố | Nam | 47 | 2634 |
| Mẹ | Nữ | 42 | 2212 |
| Anh trai | Nam | 20 | 2934 |
| Em | Nữ | 12 | 2205 |

**Câu 3.** *(1,0 điểm)* Em hãy đề xuất một thực đơn cho bữa ăn tối đảm bảo dinh dưỡng cho các thành viên trong gia đình và phân tích thành phần dinh dưỡng của bữa ăn đó?

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

**A. Trắc nghiệm (4,0 điểm)** *Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |  |
| **Đáp án** | B | A | C | B | D | A | B | A |  |

**B. Tự luận: (6,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **1** | - Tiện ích  + Các thiết bị trong ngôi nhà thông minh có thể được điều khiển từ xa thông qua các ứng dụng được cài đặt trên các thiết bị như: điện thoại thông minh, máy tính bảng…có kết nối internet  + Các hệ thống, thiết bị thông minh trong ngôi nhà có thể hoạt động dựa trên thói quen của người sử dụng  - An ninh, an toàn  + Các thiết bị giúp cảnh báo tới chủ nhà các tình huống gây mất anh ninh, an toàn…  + Các hình thức cảnh báo: đèn báo, chuông báo…  - Tiết kiệm năng lượng  + Các thiết bị công nghệ sẽ điều khiển giám sát việc sử dụng hợp lí các nguồn năng lượng trong ngôi nhà  + Tận dụng nguồn năng lượng tự nhiên: năng lượng mặt trời, gió… | 0.5  0.5  0,5  0,5  0,5  0,5 |
| **2** | Tổng nhu cầu dinh dưỡng của cả gia đình em trong 1 ngày là:  2634 + 2212 + 2934 + 2205 = 9 985 (kcal)  Vậy tổng nhu cầu dinh dưỡng của gia đình em trong 1 bữa là (bình quân bằng 1/3 nhu cầu cả ngày):  9985: 3 = 3328,3 (kcal) | 0.25  0,75  0,25  0,75 |
| **3** | - Nêu được thực đơn cho bữa tối đảm bảo đủ 4 nhóm chất dinh dưỡng cho các thành viên trong gia đình  - Phân tích được thành phần dinh dưỡng của thực đơn | 0,5  0,5 |